

Số: **54** /NQ-HĐND

Khánh Hòa, ngày **18** tháng 12 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn,  
thu, chi ngân sách địa phương năm 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;*

*Căn cứ Nghị quyết số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;*

*Căn cứ Quyết định số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Căn cứ Quyết định số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;*

*Xét Báo cáo số 223/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 122/BC-BKTNS ngày 17 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu, giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 9271/UBND-KT ngày 17 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn năm 2026 như sau:**

<b>Tổng thu NSNN phát sinh trên địa bàn</b>	<b>: 37.625.000 triệu đồng</b>
- Thu nội địa	: 36.110.000 triệu đồng
- Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	: 1.515.000 triệu đồng

**Điều 2. Thông qua dự toán thu, chi ngân sách địa phương (NSĐP) năm 2026 như sau:**

<b>I. Thu ngân sách địa phương</b>	<b>: 36.262.447 triệu đồng</b>
1. Tổng thu NSDP được hưởng theo phân cấp	: 32.753.600 triệu đồng
a) Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	: 2.827.610 triệu đồng
b) Các khoản thu NSDP hưởng theo tỷ lệ %	: 17.005.990 triệu đồng
c) Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	: 12.920.000 triệu đồng
2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương	: 3.508.847 triệu đồng
<b>II. Chi ngân sách địa phương</b>	<b>: 36.319.847 triệu đồng</b>
1. Chi đầu tư phát triển	: 15.411.945 triệu đồng
<i>Trong đó: Chi đầu tư từ nguồn bội chi</i>	: 57.400 triệu đồng
2. Chi thường xuyên	: 18.402.174 triệu đồng
3. Chi trả nợ lãi vay	: 92.200 triệu đồng
4. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	: 2.170 triệu đồng
5. Dự phòng chi	: 838.005 triệu đồng
6. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	: 1.573.353 triệu đồng
<b>III. Bội chi ngân sách địa phương</b>	<b>: 57.400 triệu đồng</b>
<b>IV. Chi trả nợ gốc của ngân sách địa phương</b>	<b>: 90.000 triệu đồng</b>
<b>V. Tổng mức vay của ngân sách địa phương</b>	<b>: 57.400 triệu đồng</b>

(Phụ lục số 01, 02, 03, 04 đính kèm)

### **Điều 3. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện nhiệm vụ ngân sách năm 2026**

Để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ NSNN năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh đề nghị triển khai một số giải pháp như sau:

#### **1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp**

- Tập trung thúc đẩy 04 động lực tăng trưởng kinh tế bao gồm: công nghiệp, năng lượng, đô thị xây dựng, du lịch dịch vụ. Tiếp tục triển khai các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất,..., các chương trình ưu đãi tín dụng cho các đối tượng bị ảnh hưởng, thiệt hại bởi thiên tai sớm khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, chủ động đề ra các giải pháp tích cực, đồng bộ trong công tác tổ chức thu đối với các nguồn thu hiện có; khai thác các nguồn thu mới phát sinh; kiểm soát có hiệu quả việc nợ đọng thuế; định kỳ hàng tháng thực hiện tốt công tác dự báo, phân tích những tác động của thay đổi chính sách đến nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào NSNN, phân

đầu hoàn thành dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao, góp phần đảm bảo nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương theo phân cấp.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, kinh tế hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, đảm bảo cạnh tranh bình đẳng. Đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa khu vực tư nhân. Hỗ trợ thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, dịch vụ thông qua phát triển các công cụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đặc biệt là trong lĩnh vực Thuế, Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội theo hướng tạo thuận lợi ở mức cao nhất, kịp thời giải đáp các vướng mắc, kiến nghị, giảm thiểu tối đa thời gian chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp;

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh trong quá trình điều hành ngân sách thực hiện rà soát, sắp xếp, điều chỉnh các nhiệm vụ chi thường xuyên chưa thực hiện hoặc hết nhiệm vụ chi chuyển sang các nhiệm vụ chi mới phát sinh đảm bảo sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất.

- Ủy ban nhân dân xã, phường chủ động sử dụng nguồn tăng thu dự toán và nguồn tiết kiệm chi để thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

## **2. Cơ quan Thuế, Hải quan**

- Chủ động, phối hợp chặt chẽ, thường xuyên nắm tình hình chấp hành pháp luật về thuế của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế để kịp thời đề ra các giải pháp quản lý phù hợp. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Tăng cường công tác quản lý hoàn thuế GTGT, thực hiện kiểm tra trước khi hoàn thuế đối với 100% các trường hợp rủi ro cao, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các hành vi gian lận, lợi dụng chính sách hoàn thuế, chiếm đoạt tiền từ NSNN.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ về đất đai, xác định nghĩa vụ tài chính và đôn đốc thu, nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thu từ đất đai vào ngân sách nhà nước;

- Tăng cường công tác quản lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế để giảm nợ đọng thuế. Bên cạnh đó, đẩy nhanh tiến độ triển khai việc sử dụng hoá đơn điện tử trong bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **3. Cơ quan tài chính các cấp**

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Luật Ngân sách nhà nước năm 2025; chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức điều hành ngân sách theo dự toán đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định, kịp thời đề xuất những biện pháp, giải pháp điều hành ngân sách đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu quản lý, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026 của tỉnh.

- Điều hành quản lý chi ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định. Đảm bảo nguồn lực cho ngân sách các xã, phường, đặc khu thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, đặc biệt là các chính sách an sinh xã hội, chế độ chính sách con người.

- Tăng cường kiểm soát việc giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung theo hàng quý để đảm bảo tiến độ, thực hiện chuyển nguồn theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công. Phối hợp các chủ đầu tư đánh giá khả năng giải ngân của dự án và cam kết giải ngân theo tiến độ đã đề ra để bố trí kế hoạch vốn đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân của các dự án trong năm 2026; kiên quyết cắt giảm các dự án không thực hiện giải ngân hoặc giải ngân chậm và điều chuyển cho các dự án khác

- Các dự án dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2026 phải đảm bảo điều kiện về thủ tục đầu tư theo quy định; ưu tiên bố trí nguồn vốn phục vụ công tác giải phóng mặt bằng các dự án; kiên quyết không bố trí cho các dự án điều chỉnh giảm kế hoạch nhiều lần.

- Định kỳ đánh giá, phân tích các tác động, nguyên nhân khách quan, chủ quan đến tăng, giảm từng chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước năm 2026, như: các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; tác động của thiên tai, dịch bệnh, biến động của thị trường bất động sản; tác động từ việc thay đổi trong chính sách, phạm vi, đối tượng hưởng ưu đãi thuế.

- Tăng cường kiểm tra các dự án lớn, giải ngân chậm; phân nhóm các dự án (dự án vướng mắc về giải phóng mặt bằng; dự án đang triển khai hồ sơ thủ tục; dự án không có vướng mắc), tham mưu Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo, triển khai; rà soát, điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch giao.

#### 4. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh:

- Chấp hành nghiêm kỷ luật tài chính - NSNN, tăng cường chỉ đạo kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Hạn chế tối đa việc đề xuất ứng trước dự toán. Tăng cường thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi NSNN bảo đảm đúng dự toán được giao. Tiết kiệm các khoản chi cho bộ máy quản lý Nhà nước, chi mua sắm phương tiện, trang thiết bị đắt tiền, giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo đi công tác nước ngoài;

- Chỉ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chế độ chính sách, nhiệm vụ chi mới khi thực sự cần thiết và có nguồn tài chính phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định.

- Trong năm chủ động rà soát dự toán được giao, đề nghị cấp có thẩm quyền điều chỉnh giữa các nhiệm vụ chi đảm bảo sử dụng ngân sách hiệu quả.

#### Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa Khóa VII, nhiệm kỳ 2021-2026, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2025./.

#### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Cơ quan UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, ĐN.

CHỦ TỊCH 

  
Lâm Đông

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số **54** /NQ-HĐND ngày **18** /12/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>36.262.447</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp</b>	<b>32.753.600</b>
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	2.827.610
2	Các khoản thu phân chia NSDP hưởng theo tỷ lệ %	17.005.990
3	Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	12.920.000
<b>II</b>	<b>Bổ sung từ ngân sách Trung ương</b>	<b>3.508.847</b>
1	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước	2.742.230
2	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước	0
3	Bổ sung cân đối	766.617
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>36.319.847</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối ngân sách địa phương</b>	<b>36.319.847</b>
1	Chi đầu tư phát triển	15.411.945
2	Chi thường xuyên	18.402.174
3	Các nhiệm vụ chi khác	
4	Chi trả lãi vay các khoản do chính quyền địa phương vay	92.200
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.170
6	Dự phòng chi	838.005
7	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	1.573.353
10	Chi nộp ngân sách cấp trên	
<b>II</b>	<b>Chi các Chương trình mục tiêu</b>	<b>0</b>
1	Chi các chương trình MTQG	0
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
<b>III</b>	<b>Dự toán tăng thu so với TTgCP giao chưa phân bổ</b>	<b>0</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</b>	<b>-57.400</b>
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>90.000</b>
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh	90.000
<b>E</b>	<b>TỔNG MỨC VAY NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>57.400</b>
I	Vay để bù đắp bội chi	57.400
II	Vay để trả nợ gốc	0

**DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026**  
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54 /NQ-HĐND ngày 18 /12/2025 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
1	2	3	4	5	6	7	8=6/4	9=7/5
<b>A. TỔNG THU NSNN (I+II)</b>	<b>27.979.000</b>	<b>23.933.910</b>	<b>36.900.000</b>	<b>34.056.315</b>	<b>37.625.000</b>	<b>32.753.600</b>	<b>102,0</b>	<b>171,3</b>
<b>I. Thu từ hoạt động xuất, khẩu khẩu</b>	<b>2.710.000</b>	<b>0</b>	<b>1.800.000</b>	<b>0</b>	<b>1.515.000</b>	<b>0</b>	<b>84,2</b>	<b>84,2</b>
- Thuế XK, NK, TTĐB hàng hóa nhập khẩu	601.000		389.000	0	227.700		58,5	0,0
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	2.074.000		1.250.000	0	1.230.900		98,5	0,0
- Thuế bảo vệ môi trường	30.000		43.000	0	47.500		110,5	0,0
- Thuế chống bán phá giá			62.500	0			0,0	0,0
- Thu khác	5.000		35.000	0	8.900		25,4	0,0
<b>II. Thu nội địa</b>	<b>25.269.000</b>	<b>23.933.910</b>	<b>35.100.000</b>	<b>34.056.315</b>	<b>36.110.000</b>	<b>32.753.600</b>	<b>102,9</b>	<b>321,6</b>
<b>1. Thu từ DNNN Trung ương</b>	<b>1.140.000</b>	<b>1.140.000</b>	<b>1.526.000</b>	<b>1.526.000</b>	<b>1.542.000</b>	<b>1.542.000</b>	<b>101,0</b>	<b>0,0</b>
- Thuế giá trị gia tăng	611.000	611.000	565.000	565.000	680.000	680.000	120,4	0,0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	113.000	113.000	136.000	136.000	175.000	175.000	128,7	0,0
- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	415.000	415.000	824.995	824.995	687.000	687.000	83,3	0,0
- Thuế tài nguyên	1.000	1.000	5	5	0	0	0,0	0,0
<b>2. Thu từ DNNN địa phương</b>	<b>3.688.000</b>	<b>3.688.000</b>	<b>3.931.000</b>	<b>3.931.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>4.000.000</b>	<b>101,8</b>	<b>0,0</b>
- Thuế giá trị gia tăng	695.000	695.000	710.000	710.000	791.000	791.000	111,4	0,0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	142.000	142.000	210.000	210.000	217.000	217.000	103,3	0,0
- Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	2.837.000	2.837.000	3.001.500	3.001.500	2.985.000	2.985.000	99,5	0,0
- Thuế tài nguyên	14.000	14.000	9.500	9.500	7.000	7.000	73,7	0,0
<b>3. Thu từ DN có vốn đầu tư nước ngoài</b>	<b>1.425.000</b>	<b>1.342.000</b>	<b>1.587.000</b>	<b>1.547.000</b>	<b>1.800.000</b>	<b>1.793.000</b>	<b>113,4</b>	<b>17,5</b>
- Thuế giá trị gia tăng	736.000	736.000	790.000	790.000	906.000	906.000	114,7	0,0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.000	551.000	700.000	700.000	803.000	796.000	114,7	0,0
<i>Trong đó: Thuế tối thiểu toàn cầu</i>	<i>7.000</i>	<i>0</i>		<i>0</i>	<i>7.000</i>	<i>0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>
- Thuế TTĐB hàng hóa dịch vụ trong nước	108.000	32.000	77.000	37.000	73.990	73.990	96,1	0,0
<i>Trong đó: Thu từ HHDV nhập khẩu bán ra trong nước</i>	<i>76.000</i>	<i>0</i>	<i>40.000</i>	<i>0</i>		<i>0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>
- Thuế tài nguyên	23.000	23.000	20.000	20.000	17.010	17.010	85,1	0,0
<b>4. Thu từ khu vực CTN ngoài quốc doanh</b>	<b>5.950.000</b>	<b>5.949.000</b>	<b>8.245.000</b>	<b>8.244.000</b>	<b>7.222.000</b>	<b>7.222.000</b>	<b>87,6</b>	<b>0,0</b>
- Thuế giá trị gia tăng	4.190.000	4.190.000	5.295.000	5.295.000	4.915.000	4.915.000	92,8	0,0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.071.000	1.071.000	2.280.000	2.280.000	1.622.000	1.622.000	71,1	0,0
- Thuế TTĐB hàng hóa dịch vụ trong nước	495.000	494.000	440.000	439.000	523.000	523.000	118,9	0,0
<i>Trong đó: Thu từ HHDV nhập khẩu bán ra trong nước</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>	<i>1.000</i>	<i>0</i>		<i>0</i>	<i>0,0</i>	<i>0,0</i>
- Thuế tài nguyên	194.000	194.000	230.000	230.000	162.000	162.000	70,4	0,0
<b>5. Lệ phí trước bạ</b>	<b>595.000</b>	<b>595.000</b>	<b>730.000</b>	<b>730.000</b>	<b>830.000</b>	<b>830.000</b>	<b>113,7</b>	<b>0,0</b>
<b>6. Thuế sử dụng đất nông nghiệp</b>			<b>2</b>	<b>2</b>			<b>0,0</b>	<b>0,0</b>
<b>7. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</b>	<b>33.000</b>	<b>33.000</b>	<b>33.000</b>	<b>33.000</b>	<b>33.600</b>	<b>33.600</b>	<b>101,8</b>	<b>0,0</b>
<b>8. Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>1.765.000</b>	<b>1.765.000</b>	<b>2.150.000</b>	<b>2.150.000</b>	<b>2.050.000</b>	<b>2.050.000</b>	<b>95,3</b>	<b>0,0</b>
<b>9. Thu thuế bảo vệ môi trường</b>	<b>1.565.000</b>	<b>939.000</b>	<b>973.000</b>	<b>583.800</b>	<b>975.000</b>	<b>585.000</b>	<b>100,2</b>	<b>100,2</b>
- Thu thuế NSTW hưởng 100%	626.000	0	389.200	0	390.000	0	100,2	100,2
- Thu phân chia giữa NSTW và NSDP	939.000	939.000	583.800	583.800	585.000	585.000	100,2	0,0
<b>10. Thu phí và lệ phí</b>	<b>625.000</b>	<b>270.000</b>	<b>580.000</b>	<b>310.000</b>	<b>630.000</b>	<b>341.000</b>	<b>108,6</b>	<b>107,0</b>
- Phí và lệ phí Trung ương	355.000		270.000	0	289.000		107,0	107,0
- Phí và lệ phí tỉnh	247.967	247.967	270.000	270.000	332.555	332.555	123,2	0,0
- Phí và lệ phí xã	22.033	22.033	40.000	40.000	8.445	8.445	21,1	0,0
<b>11. Tiền sử dụng đất</b>	<b>2.495.000</b>	<b>2.495.000</b>	<b>10.400.000</b>	<b>10.400.000</b>	<b>10.800.000</b>	<b>9.180.000</b>	<b>103,8</b>	<b>0,0</b>
- Ghi thu, ghi chi tiền sử dụng đất		0		0		0	0,0	0,0
- Thu phát sinh	2.495.000	2.495.000	10.400.000	10.400.000	10.800.000	9.180.000	103,8	0,0
+ UBND tỉnh ban hành QĐ giao đất	2.495.000	2.495.000	10.135.000	10.135.000	9.100.000	7.735.000	89,8	0,0
+ UBND huyện ban hành QĐ giao đất		0	265.000	265.000	1.700.000	1.445.000	641,5	0,0
<b>12. Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước</b>	<b>4.598.000</b>	<b>4.598.000</b>	<b>2.800.000</b>	<b>2.800.000</b>	<b>4.400.000</b>	<b>3.740.000</b>	<b>157,1</b>	<b>0,0</b>
- Ghi thu, ghi chi		0		0		0	0,0	0,0
- Thu phát sinh	4.598.000	4.598.000	2.800.000	2.800.000	4.400.000	3.740.000	157,1	0,0
+ UBND tỉnh ban hành QĐ cho thuê đất	4.598.000	4.598.000	2.800.000	2.800.000	4.400.000	3.740.000	157,1	0,0
+ UBND huyện ban hành QĐ cho thuê đất		0		0		0	0,0	0,0
<b>13. Thu tiền bán &amp; thuê nhà thuộc SHNN</b>	<b>63.000</b>	<b>63.000</b>	<b>157.000</b>	<b>157.000</b>	<b>65.000</b>	<b>65.000</b>	<b>41,4</b>	<b>0,0</b>
+ Ngân sách tỉnh thu	63.000	63.000	157.000	157.000	65.000	65.000	41,4	0,0
+ Ngân sách xã thu				0			0,0	0,0
<b>14. Thu khác ngân sách:</b>	<b>545.000</b>	<b>295.000</b>	<b>880.438</b>	<b>572.438</b>	<b>810.000</b>	<b>442.000</b>	<b>92,0</b>	<b>119,5</b>
- Ngân sách Trung ương	250.000		308.000	0	368.000		119,5	119,5
- Ngân sách cấp tỉnh	272.354	272.354	531.438	531.438	418.685	418.685	78,8	0,0
- Ngân sách xã	22.646	22.646	41.000	41.000	23.315	23.315	56,9	0,0
<b>15. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác</b>	<b>17.800</b>	<b>17.800</b>	<b>14.400</b>	<b>14.400</b>	<b>22.000</b>	<b>22.000</b>	<b>152,8</b>	<b>0,0</b>
<b>16. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản</b>	<b>91.000</b>	<b>70.910</b>	<b>150.000</b>	<b>115.000</b>	<b>120.000</b>	<b>97.600</b>	<b>80,0</b>	<b>64,0</b>
- Trung ương cấp	28.700	8.610	50.000	15.000	32.000	9.600	64,0	64,0

Nội dung thu	Dự toán năm 2025		Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
- Địa phương cấp	62.300	62.300	100.000	100.000	88.000	88.000	88,0	0,0
<b>17. Thu tiền sử dụng khu vực biển</b>	<b>200</b>	<b>200</b>	<b>1.160</b>	<b>675</b>	<b>400</b>	<b>400</b>	<b>34,5</b>	<b>0,0</b>
- Trung ương cấp			485	0			0,0	0,0
- Địa phương cấp	200	200	675	675	400	400	59,3	0,0
<b>17. Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế</b>	<b>268.000</b>	<b>268.000</b>	<b>462.000</b>	<b>462.000</b>	<b>360.000</b>	<b>360.000</b>	<b>77,9</b>	<b>0,0</b>
<b>18. Thu xổ số kiến thiết</b>	<b>405.000</b>	<b>405.000</b>	<b>480.000</b>	<b>480.000</b>	<b>450.000</b>	<b>450.000</b>	<b>93,8</b>	<b>0,0</b>
<b>B. TỔNG THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG</b>	<b>23.933.910</b>	<b>23.933.910</b>	<b>34.056.315</b>	<b>34.056.315</b>	<b>32.753.600</b>	<b>32.753.600</b>		
1.1 Các khoản thu 100%	2.249.910	2.249.910	3.134.020	3.134.020	2.827.610	2.827.610		
- Các khoản ghi thu, ghi chi	0	0	0	0	0	0		
1.2 Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	14.591.000	14.591.000	17.722.295	17.722.295	17.005.990	17.005.990		
1.3. Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	7.093.000	7.093.000	13.200.000	13.200.000	12.920.000	12.920.000		
<b>C. TỔNG THU NSTW HƯỞNG</b>	<b>4.045.090</b>	<b>0</b>	<b>2.843.685</b>	<b>0</b>	<b>4.616.400</b>	<b>0</b>		
1. Các khoản thu 100%	3.968.090		2.802.685	0	2.591.400			
2. Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	77.000		41.000	0	0			
3. Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	0		0	0	2.025.000			

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

Phụ lục số 03

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2026**  
(Kèm theo Nghị quyết số **54** /NQ-HĐND ngày **18/12/2025** của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026
	<b>TỔNG CHI NSDP (A+B)</b>	<b>36.319.847</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>36.319.847</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>15.411.945</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	15.321.945
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	9.180.000
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	450.000
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn bội chi</i>	57.400
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	
3	Chi đầu tư phát triển khác	90.000
-	<i>Chi trả nợ gốc</i>	90.000
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>18.402.174</b>
	<i>Trong đó:</i>	
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	7.319.751
2	<i>Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</i>	204.030
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>92.200</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>2.170</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>838.005</b>
<b>VI</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>1.573.353</b>
<b>B</b>	<b>CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU</b>	<b>0</b>
<b>C</b>	<b>DỰ TOÁN GHI THU, GHI CHI VỐN VIỆN TRỢ</b>	<b>50.000</b>

**KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH NĂM 2026**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 54 /NQ-HĐND ngày 18 /12/2025 của HĐND tỉnh Khánh Hòa)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	NĂM 2025		Dự toán năm 2026
		Dự toán	Ước thực hiện	
A	B	1	2	3
<b>A</b>	<b>MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP</b>	<b>14.630.766</b>	<b>14.630.766</b>	<b>26.202.880</b>
<b>B</b>	<b>BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>1.541.000</b>	<b>70.500</b>	<b>57.400</b>
<b>C</b>	<b>KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC</b>			
<b>I</b>	<b>Tổng dư nợ đầu năm</b>	<b>945.115</b>	<b>893.616</b>	<b>883.516</b>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	933.565	882.066	871.966
	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (Khánh Hòa cũ)	2.935	2.935	2.097
	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập (Khánh Hòa cũ)	49.717	50.513	44.113
	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập (Ninh Thuận cũ)	6.730	6.729	6.062
	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Nha Trang (Khánh Hòa cũ)	341.197	343.076	305.884
	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (Ninh Thuận cũ)	390.352	355.647	334.798
	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) (Khánh Hòa cũ)	4.390	4.303	4.063
	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) (Ninh Thuận cũ)	114.034	92.720	152.643
	Dự án Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (Ninh Thuận cũ)	14.289	14.289	12.235
	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận (Ninh Thuận cũ)	6.974	6.975	6.822
	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG (Khánh Hòa cũ)	2.947	4.879	3.249
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	11.550	11.550	11.550
a	Tạm ứng Kho bạc Nhà nước	0	0	0
b	Huy động vốn ứng trước tiền thuê đất nhà đầu tư tại Khu DL BBĐ Cam Ranh	11.550	11.550	11.550
<b>II</b>	<b>Trả nợ gốc vay trong năm</b>			
<b>1</b>	<b>Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay</b>	<b>80.600</b>	<b>80.600</b>	<b>90.000</b>
a	Trái phiếu chính quyền địa phương	0	0	0
b	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	80.600	80.600	90.000

STT	NỘI DUNG	NĂM 2025		Dự toán năm 2026
		Dự toán	Ước thực hiện	
	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (Khánh Hòa cũ)	838	838	838
	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập (Khánh Hòa cũ)	6.400	6.400	4.900
	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập (Ninh Thuận cũ)	667	667	750
	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Nha Trang (Khánh Hòa cũ)	37.192	37.192	40.000
	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (Ninh Thuận cũ)	20.849	20.849	22.700
	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) (Khánh Hòa cũ)	240	240	300
	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) (Ninh Thuận cũ)	10.577	10.577	17.000
	Dự án Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (Ninh Thuận cũ)	2.054	2.054	1.500
	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận (Ninh Thuận cũ)	153	153	312
	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG (Khánh Hòa cũ)	1.630	1.630	1.700
c	Vốn khác	0	0	0
	- Tạm ứng Kho bạc Nhà nước	0	0	0
	- Hoàn trả tiền ứng trước tiền thuê đất nhà đầu tư tại Khu DL BBD Cam Ranh	0	0	
<b>2</b>	<b>Nguồn trả nợ</b>	<b>80.600</b>	<b>80.600</b>	<b>90.000</b>
	- Từ nguồn vay			
	- Bội thu ngân sách địa phương			
	- Tăng thu, tiết kiệm chi	80.600	80.600	90.000
	- Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
<b>III</b>	<b>Tổng mức vay trong năm</b>			
<b>1</b>	<b>Theo mục đích vay</b>	<b>1.541.000</b>	<b>70.500</b>	<b>57.400</b>
	- Vay bù đắp bội chi	1.541.000	70.500	57.400
	- Vay trả nợ gốc	0	0	0
<b>2</b>	<b>Theo nguồn vay</b>	<b>1.541.000</b>	<b>70.500</b>	<b>57.400</b>
a	Trái phiếu chính quyền địa phương	1.383.700	0	0
b	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	157.300	70.500	57.400
	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) (Ninh Thuận cũ)	81.500	70.500	

STT	NỘI DUNG	NĂM 2025		Dự toán năm 2026
		Dự toán	Ước thực hiện	
	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+tỉnh Ninh Thuận	15.000	0	9.951
	Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận	60.800	0	47.449
c	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	0	0	0
	- Tạm ứng Kho bạc Nhà nước	0	0	0
<b>IV</b>	<b>Tổng dư nợ cuối năm</b>	<b>2.405.515</b>	<b>883.516</b>	<b>839.366</b>
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	<i>16</i>	<i>6</i>	<i>3</i>
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	1.383.700	0	0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	1.010.265	871.966	839.366
	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (Khánh Hòa cũ)	2.097	2.097	1.259
	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập (Khánh Hòa cũ)	43.317	44.113	39.213
	Dự án Sửa chữa nâng cao an toàn đập (Ninh Thuận cũ)	6.063	6.062	5.312
	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Nha Trang (Khánh Hòa cũ)	304.005	305.884	265.884
	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - tiểu dự án thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (Ninh Thuận cũ)	369.503	334.798	312.098
	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) (Khánh Hòa cũ)	4.150	4.063	3.763
	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (WEIDAP/ADB8) (Ninh Thuận cũ)	184.957	152.643	135.643
	Dự án Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (Ninh Thuận cũ)	12.235	12.235	10.735
	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Ninh Thuận (Ninh Thuận cũ)	6.821	6.822	6.510
	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai VILG (Khánh Hòa cũ)	1.317	3.249	1.549
	Giảm thiểu khí thải tại khu vực Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nhằm góp phần thực hiện các mục tiêu Chương trình hành động quốc gia REDD+tỉnh Ninh Thuận	15.000	0	9.951
	Chống hạn, xói lở, ngập lụt thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Ninh Thuận	60.800	0	47.449
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	11.550	11.550	0
b	Tạm ứng Kho bạc Nhà nước		0	0
c	Huy động vốn ứng trước tiền thuê đất nhà đầu tư tại Khu DL BBĐ Cam Ranh	11.550	11.550	0

STT	NỘI DUNG	NĂM 2025		Dự toán năm 2026
		Dự toán	Ước thực hiện	
D	Trả nợ lãi, phí	38.600	38.600	92.200